

Mẫu số 09. Bảng mô tả hàng hóa bổ sung

BẢNG MÔ TẢ HÀNG HÓA BỔ SUNG

(Kèm theo giấy phép số)

No/ ST T	Commercial Description of the timber products/ Mô tả hàng hóa	HS code/mã HS	Common and scientific name/ Tên phổ thông và tên khoa học	Countries of harvest/Quốc gia khai thác	ISO code of country of harvest/Mã ISO của quốc gia khai thác	Volume/Khối lượng lô hàng (m³)	Net weight (kg)/Trọng lượng (kg)	Number of units/Đơn vị tính khác

Place/Nơi cấp

Date (DD/MM/YY)/Ngày cấp
Signature and stamp of issuing
authority/
Chữ ký và đóng dấu

Nguồn: Nghị định 102/2020/NĐ-CP